TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03/12/2025
Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khanh.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Minh Sơn.
2. Bà Phạm Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6: Vụ án không thuộc trường hợp có Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 03 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2025/QĐXX-HNGĐ, ngày 19 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thị Thanh D, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp K, xã U, tỉnh An Giang (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoài H, sinh năm 1989; HKTT: Ấp T, xã C, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp K, xã U, tỉnh An Giang (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/10/2025 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Thị Thanh D trình bày:

Về hôn nhân: Bà Thị Thanh D và ông Nguyễn Hoài H chung sống với nhau như

vợ chồng từ năm 2011, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau một thời gian chung sống cả hai thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vì vậy bà D và ông H đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà D và ông H chung sống với nhau được 02 người con chung tên Nguyễn Tấn T, sinh ngày 27/01/2012 và Nguyễn Tấn P, sinh ngày 01/9/2015, hiện bà D đang nuôi dưỡng 02 con chung. Khi ly hôn bà D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi dưỡng.

Về tài sản và nợ chung: Bà D trình bày trong thời gian chung sống thì bà D và ông H không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 28 tháng 10 năm 2025 bị đơn ông Nguyễn Hoài H trình bày:

Về hôn nhân: Ông H thống nhất theo lời trình bày của bà D và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D.

Về con chung: Ông H và bà D được 02 người con chung như bà D trình bày. Hiện tại 02 con đang sống với bà D, còn ông H thì đi làm ăn xa nên thống nhất giao 02 con chung cho bà D nuôi dưỡng. Ông H không cấp dưỡng nuôi con, nhưng khi nào làm có tiền thì sẽ gửi về cho 02 con.

Về chia tài sản và nợ chung: Ông H và bà D không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do phải đi làm ăn xa, mỗi lần xin công ty nghĩ rất khó khăn nên ông H xin được vắng mặt phiên tòa xét xử.

Những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ:

Nguyên đơn cung cấp: Giấy xác nhận không đăng ký kết hôn; Bản trình nguyện vọng của cháu Nguyễn Tấn T và Nguyễn Tấn P. Bản sao giấy khai giấy khai sinh tên Nguyễn Tấn T và Nguyễn Tấn P.

Bị đơn cung cấp: Đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Hoài H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hôn nhân: Bà D và ông H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên về mặt pháp lý quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông H là không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà D và ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. **Về con chung**: Bà D và ông H có 02 người con chung tên: Nguyễn Tấn T, sinh ngày 27/01/2012 và Nguyễn Tấn P, sinh ngày 01/9/2015, Hai con chung của bà D và ông H đều đã trên 7 tuổi, tại bản tự khai cháu T và cháu P đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với mẹ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi bà D và ông H ly thân đến nay đã nhiều năm, 02 người con chung được bà D nuôi dưỡng và phát triển bình thường như bao trẻ em khác. Tại biên bản hòa giải ngày 28/10/2025 ông H trình bày là do đi làm ăn xa nên cũng thống nhất để bà D tiếp tục nuôi 02 con chung. Nhằm tránh làm ảnh hưởng đến việc học tập, sinh hoạt và môi trường sống của cháu T và cháu P, cũng như theo nguyện vọng của 02 con chung, Hội đồng xét xử thống nhất giao 02 con chung của bà D và ông H là cháu Nguyễn Tấn T, sinh ngày 27/01/2012 và Nguyễn Tấn P, sinh ngày 01/9/2015 cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con chung khi ly hôn nhưng bà D không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Tại biên bản hòa giải ngày 28/10/2025 ông H cũng trình bày là ông H không cấp dưỡng nuôi con, nhưng khi nào làm có tiền ông H sẽ gửi về cho 02 con. Do các đương sự không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về chia tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà D và ông H trình bày không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Thị Thanh D phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Thị Thanh D đã nộp là 300.000

đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003764 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Thị Thanh D và ông Nguyễn Hoài H.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Tấn T, sinh ngày 27/01/2012 và Nguyễn Tấn P, sinh ngày 01/9/2015 cho bà Thị Thanh D tiếp tục nuôi dưỡng. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của bà D.

3. Về chia tài sản chung: Bà D và ông H không có yêu cầu về chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Thị Thanh D phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Thị Thanh D đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 0003764 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – An Giang;*
- *Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;*
- *Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – An Giang;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Khanh